

Bản án số: 1439/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 825/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Hoàng Quỳnh N, sinh năm 1981

Địa chỉ: A Tỉnh Lộ B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Ngô Trọng Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: A Tỉnh Lộ B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Đào Hoàng Quỳnh N xác định: Bà và ông Ngô Trọng Q chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai bất đồng về mọi mặt. Ông bà đã từng nhiều lần tìm kiếm cơ hội hàn gắn xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái nhưng không được. Hiện cả hai đã ly thân từ

năm 2016, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn. Thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Ngô Hoàng Anh Q, sinh ngày 16/8/2005 và Ngô Hoàng Kim L, sinh ngày 29/5/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Hoàng Kim L, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi.

Tài sản chung bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nợ chung bà xác định không có.

Bị đơn ông Ngô Trọng Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

* Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

- Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà N (bản sao);
- Giấy khai sinh (bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

* Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Công văn phúc đáp tình trạng hôn nhân và gia đình số 1038/LĐTB ngày 11/9/2018 của phòng Lao động Thương binh và Xã Hội quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án N sau:

Về mặt tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao 01 con chung cho bà N nuôi dưỡng, chấp nhận việc bà N yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đào Hoàng Quỳnh N khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với ông Ngô Trọng Q căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án. Ông Q cư trú tại quận Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Ngô Trọng Q. Ông Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông Q.

[2] Về nội dung:

Bà Đào Hoàng Quỳnh N và ông Ngô Trọng Q chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyền số Một do Ủy ban nhân dân phường Bình Chiếu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/6/2004 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại Tòa, bà N xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Ngô Trọng Q. Căn cứ vào Công văn số 1038/LĐTĐ ngày 11/9/2018 của phòng Lao động Thương binh và Xã Hội quận Thủ Đức phúc đáp về tình trạng hôn nhân và gia đình được xác định phù hợp với nội dung tự khai của bà N. Có cơ sở xác định quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Q đã được tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức không muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình. N vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Hoàng Anh Quân, sinh ngày 16/8/2005 và Ngô Hoàng Kim L, sinh ngày 29/5/2012. Hiện nay do bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Ông Q đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của bà N nhưng không có ý kiến, đồng thời cân nhắc đến điều kiện của nguyên đơn nên yêu cầu của bà N được tiếp tục nuôi người con nhỏ tên Ngô Hoàng Kim Long và giao người con lớn tên Ngô Hoàng Anh Quân cho ông Q là có cơ sở. Mức yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi là hợp lý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; nợ chung không có.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đào Hoàng Quỳnh N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Hoàng Quỳnh N được ly hôn với ông Ngô Trọng Q.

Về con chung: Giao con chung tên Ngô Hoàng Kim L, sinh ngày 29/5/2012 cho bà Đào Hoàng Quỳnh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, Giao con chung tên Ngô Hoàng Anh Quân, sinh ngày 16/8/2005 cho ông Ngô Trọng Q trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc thực hiện từ tháng 12/2018 vào ngày 15 hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có Q, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Q yêu cầu Tòa án hạn chế Q thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có Q yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

2-/ Về án phí: Bà Đào Hoàng Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022271 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Ông Ngô Trọng Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3-/ Về Q kháng cáo: Đương sự có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng